

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI BELIFE**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI BELIFE

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BELIFE TRADE PROMOTION AND INVESTMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: BELIFE TRADE PROMOTION AND INVESTMENT CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108534864

**3. Ngày thành lập:** 03/12/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà E37A, Tổ 22 , Thị Trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0989974099

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                      | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                         | 4741     |
| 2.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                             | 4652     |
| 3.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) | 4659     |
| 4.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                            | 4222     |
| 5.  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                             | 4223     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 6.  | <p>Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán buôn gỗ cây, tre, nứa;</li> <li>- Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế;</li> <li>- Bán buôn sơn và véc ni;</li> <li>- Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi;</li> <li>- Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn;</li> <li>- Bán buôn kính phẳng;</li> <li>- Bán buôn đồ ngũ kim và khoá;</li> <li>- Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác;</li> <li>- Bán buôn bình đun nước nóng;</li> <li>- Bán buôn thiết bị vệ sinh như: Bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác;</li> <li>- Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...;</li> <li>- Bán buôn dụng cụ cầm tay: Búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác.</li> </ul> | 4663(Chính) |
| 7.  | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4931        |
| 8.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4933        |
| 9.  | Quảng cáo<br>(Trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7310        |
| 10. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4211        |
| 11. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4292        |
| 12. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4781        |
| 13. | <p>Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm, vật phẩm vệ sinh;</li> <li>- Bán lẻ thảm treo tường, thảm trải sàn, đệm, chăn, màn;</li> <li>- Bán lẻ sách, truyện, báo, tạp chí;</li> <li>- Bán lẻ trò chơi và đồ chơi;</li> <li>- Bán lẻ thiết bị, đồ dùng gia đình, hàng điện tử tiêu dùng;</li> <li>- Bán lẻ đĩa ghi âm thanh, hình ảnh;</li> <li>- Bán lẻ vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức;</li> <li>- Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng;</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                      | 4789        |
| 14. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4293        |
| 15. | <p>Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời.</li> <li>- Chia tách đất với cải tạo đất (ví dụ: đắp, mở rộng đường, cơ sở hạ tầng công...).</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4299        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 16. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn thuốc;<br>- Bán buôn dụng cụ y tế<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh                                                                                                                                                                                                         | 4649 |
| 17. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4772 |
| 18. | Xây dựng công trình công ích khác<br>Chi tiết:<br>- Xây dựng công trình xử lý bùn.<br>- Xây dựng các công trình công ích khác chưa được phân vào đâu.                                                                                                                                                                                                            | 4229 |
| 19. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4651 |
| 20. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                              | 8299 |
| 21. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4212 |
| 22. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4221 |
| 23. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4291 |
| 24. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4761 |
| 25. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                             | 4752 |
| 26. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(trừ hoạt động kinh doanh vàng miếng)                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4662 |
| 27. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>- Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;<br>- Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác;<br>- Hoạt động của cáp treo, đường sắt trong phạm vi sân bay, đường sắt leo núi.<br>- Hoạt động quản lý điều hành vận tải hành khách. | 4932 |
| 28. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4102 |
| 29. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4101 |

**6. Vốn điều lệ:** 4.900.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN THỊ HẢI YẾN

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 04/01/1983 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 034183004050

Ngày cấp: 16/03/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà E37A, Tổ 22, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số nhà E37A, Tổ 22, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ HẢI YẾN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 04/01/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 034183004050

Ngày cấp: 16/03/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà E37A, Tổ 22, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số nhà E37A, Tổ 22, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## 9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội